



BẢN TIN THAN NGÀY

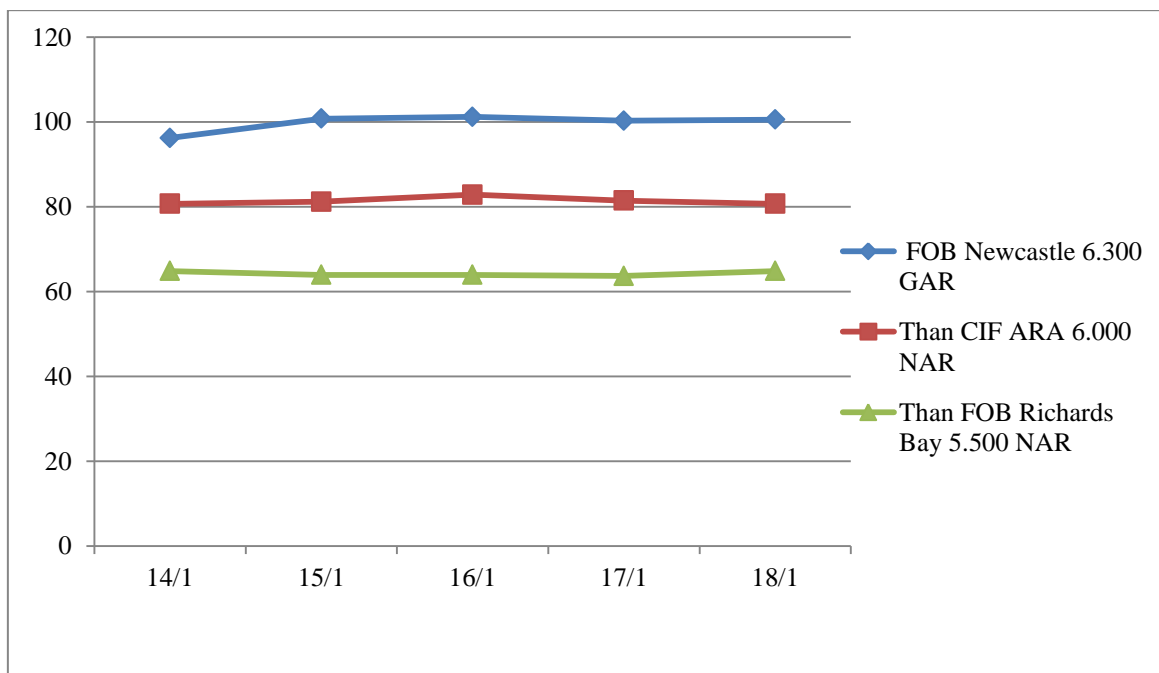
Ngày 25/01/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	100,55	+0,25	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	84,35	-0,75	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	69,65	+1,50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	69,95	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	51,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	41,00	+0,50	276,69	+3,56
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	58,20	+0,20	392,77	+1,62
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	72,50	+0,25	489,27	+2,02

GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 18/1/2019)

ĐIỂM TIN

Sản lượng than xuất khẩu từ cảng Richards Bay (Nam Phi) giảm trong năm 2018

Cảng vụ Richards Bay Coal Terminal (RBCT) hôm thứ 5 (24/1) cho biết lượng than xuất khẩu trong năm 2018 đã giảm xuống còn 73,47 triệu tấn so với mức kỉ lục 76,47 triệu tấn ghi nhận trong năm 2017, do sản lượng than xuất khẩu đến Hàn Quốc sụt giảm. Cảng than xuất khẩu lớn nhất Nam Phi dự kiến xuất khẩu ít nhất 77 triệu tấn trong năm 2019, bằng với mục tiêu của năm 2018. Chủ tịch RBCT, ông Nosipho Siwisa-Damasane cho biết :“Thị trường đang hoạt động theo đúng thực trạng cung – cầu và nằm ngoài tầm kiểm soát của RBCT”. Châu Á là thị trường lớn nhất của than Nam Phi xuất khẩu, khi chiếm tới 81,6% thị phần, trong khi Châu Âu nhận 10,1%. RBCT cho biết cảng đã phải tạm ngừng hoạt động trong 36 ngày trong năm 2018 so với 38 ngày trong năm 2017 do tình hình thời tiết.

Coal India cung cấp thêm 8% sản lượng than cho ngành điện

Coal India Limited đã cung cấp 389,63 triệu tấn than cho ngành điện từ đầu năm tài chính đến ngày 22/1/2019, ghi nhận mức tăng trưởng 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong một phát biểu của Bộ than: “Lượng vận chuyên than bằng đường sắt của CIL, bao gồm than sau quá trình sàng lọc và Good-Shed, đã tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính đến ngày 22/1/2019, các NMNĐ đã dự trữ được 18,663 triệu tấn than, đủ để vận hành trong 11 ngày. Cùng thời điểm này năm 2018, lượng than dự trữ đạt 13,759 triệu tấn và đủ vận hành trong 9 ngày,”.

Ngành than Ấn Độ cần được hỗ trợ để phát triển

Ngành than Ấn Độ hiện đang rất cần những sáng kiến mới từ chính phủ để đẩy mạnh phát triển. Một số nhà phân tích cho rằng đã đến lúc chính phủ cho phép khu vực tư nhân tham gia khai thác các mỏ than thương mại. Điều này có thể mang lại tác động kép - thu hút các công ty khai thác trên toàn thế giới, đưa những công nghệ mới và các nhà khai thác giàu kinh nghiệm đến nước này. Mặc dù chính phủ đã hứa tăng sản lượng nội địa, nhưng nước này vẫn đang phụ thuộc lớn vào than nhập khẩu.

Trong tháng 2 năm ngoái, chính phủ đã quyết định cho phép ngành than được tư nhân hóa, đây được coi là bước đi lịch sử. Nội các Chính phủ chuyên phục trách vấn đề Kinh tế đã chấp thuận phương thức đấu giá các mỏ than tuy nhiên từ đó đến nay chưa có bước tiến đột phá. Một báo cáo bởi công ty thương mại điện tử B2B mjunction cho thấy nhập khẩu than trong giai đoạn tháng 4 đến tháng 12 năm 2018 đã tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước lên mức 171,81 triệu tấn (MT). Tuy nhiên số liệu cho thấy, nhập khẩu than trong tháng 12 năm 2018 chỉ đạt 17,25 triệu tấn, giảm 8,09% so với mức 18,7 triệu tấn tháng 12 năm 2017. Điều này có thể đến từ hai nguyên nhân: nhu cầu giảm hoặc các công ty kinh doanh than đẩy mạnh cung cấp than. Trong tổng lượng than nhập khẩu tháng 12 năm ngoái, than cốc đạt 12,52 triệu tấn so với 13,01 triệu tấn trong tháng 11.

Chưa rõ số liệu của tháng 12 chưa đầy đủ hay đây sẽ là xu hướng mới, tuy nhiên có ý kiến cho rằng nhu cầu nhập khẩu than sẽ giảm dần trong những tháng tiếp theo. Mặt khác, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết, sản lượng than tăng vẫn không đủ để đáp ứng nhu cầu và có thể khiến nhập khẩu than tăng mạnh trong năm 2023. Điện than chiếm gần 70% công suất điện tại Ấn Độ. Mặc dù chính phủ Narendra Modi cho biết sẽ thúc đẩy sản lượng than nội địa nhằm giảm sự phụ thuộc vào than nhập khẩu, nhưng thực tế vẫn chưa có tiến triển trong công tác này.

(Nguồn: www.spglobal.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	8,45		+0,80
	Queensland	Nhật Bản	9,50		+0,95
	New South Wales	Hàn Quốc	10,35		+0,95
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,20		+0,00

(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	7,50	-0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,35	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,20	-0,15
	Australia	Trung Quốc	10,45	+0,00
	Australia	Ấn Độ	11,70	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 18/1/2019)